TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 123/2019/DS-PT Ngày: 20-5-2019 V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Phạm Ngọc Giao

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 68/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2019/QĐPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Trần Thiện Đ, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp Long C, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* cho ông Đ là ông Phạm Thanh L, sinh năm 1972; (Có mặt)

Địa chỉ: phường C, Quận 1, Thành phố H.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho ông Trần Thiện Đ có Luật sư Thái Quang T, Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn Th, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Long C, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Thập.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho ông Đặng Văn T là Luật sư Nguyễn Hoàng G, Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị T, sinh năm 1972 (vợ ông Th).

3.2. Chị Đặng Anh T, sinh năm 1995 (con ông Th).

3.3. Chị Đặng Như B, sinh năm 2001 (con ông Th).

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà Võ Thị T, chị Đặng Như B, chị Đặng Anh T là ông Đặng Văn Th (theo văn bản ủy quyền ngày 06/02/2017) (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho bà Võ Thị T, chị Đặng Như B, chị Đặng Anh T là Luật sư Nguyễn Hoàng G, Văn phòng Luật sư Hoàng G thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

3.4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962 (vợ ông Đ). (Có đơn vắng mặt)

3.5. Anh Trần Thiện N, sinh năm 1979 (con ông Đ).

3.6. Anh Trần Thiện Ng, sinh năm 1985 (con ông Đ).

3.7. Chị Trần Thị Th, sinh năm 1982 (con ông Đ).

3.8. Chị Trần Thị L, sinh năm 1986 (con ông Đ).

3.9. Anh Trần Thiện L, sinh năm 1991 (con ông Đ).

3.10. Anh Trần Trọng N, sinh năm 2001 (con ông Đ).

Cùng địa chỉ: Ấp Long C, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của anh Trần Thiện N, anh Trần Thiện Ng, chị Trần Thị Th, chị Trần Thị L, anh Trần Thiện L, anh Trần Trọng N là ông Trần Thiện Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 03/02/2017). (Có đơn xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Thiện Đ là nguyên đơn.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát huyện H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Trần Thiện Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M; ông Trần Thiện Đ đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Thiện N, anh Trần Thiện Ng, chị Trần Thị Th, chị Trần Thị L, anh Trần Thiện L, anh Trần Trọng Nh trình bày*:

Nguồn gốc ranh đất đang tranh chấp là của bà ngoại ông Đ là bà Nguyễn Thị T (chết không nhớ năm), vào năm 1977 bà Nguyễn Thị N là dì ruột của ông đứng ra chia cho mẹ ông là bà Nguyễn Thị X. Bà N cắm trụ đá làm ranh có anh Đặng

Thanh H (là con bà N đã chết 2005) và anh Võ Văn Kh (là con bà C chết không nhớ năm nào) chứng kiến, trước đây sử dụng để ở và canh tác lúa xạ, đến năm 1978, 1979 chuyển qua làm lúa thần nông 02 vụ, tổng diện tích mà mẹ ông được hưởng ngang ngoài 8,5m, ngang trong 16m x dài 71,2m, tổng diện tích là 890m^2. Ông là con út sống chung với cha mẹ, cha ông là Trần Thiện M chết năm 2002, mẹ là bà Nguyễn Thị X chết năm 2004, khi còn sống cha mẹ giao đất cho ông sử dụng từ năm 1979 đến khi cha mẹ qua đời ông vẫn tiếp tục sử dụng, đến năm 2013 thì ông Th lấn ranh dần dần qua đất của ông (đoạn phía sau cái ao), ông có kêu ông Th nói, thì ông Th trả lời để ông làm trụ cây xuống để không bị sạt đất giáp ranh nữa, nhưng ông Th không thực hiện, ông Th cứ nạo vét ao gây lở đất của ông thêm, ngày 27/7/2015 ông có gửi đơn đến Ủy ban xã Long K để yêu cầu giải quyết, Ủy ban xã có mời ông Th đến để hòa giải động viên thì ông Th cho rằng nhà của ông đang ở lố qua phần ranh đất của ông Th, nên ông Th trừ qua phần ao ông đào làm sạt lở ranh đất của ông xem như huề không ai kiện ai.

Theo thực tế hai bên đang sử dụng, ông Đ tự xác định ranh thì ông cho rằng ông Th có lấn qua ranh đất của ông, nên ông yêu cầu ông Th trả lại cho ông phần diện tích đất như sau:

+ Đối với phần cái ao, ông Th trả lại cho ông diện tích theo đo đạc thực tế là 128m^2, thuộc một phần thửa số 93, tờ bản đồ số 9. Đối với phần diện tích từ mí sau nhà ông chạy dài đến cái ao, ông yêu cầu ông Th trả lại cho ông diện tích theo đo đạc thực tế là 58m^2 (trong đó diện tích ngang trước cặp mí nhà ông là 2,4m, ngang sau cặp mí ao là l,7m, dài một cạnh là 26,5m, một cạnh là 20,9m, thuộc một phần thửa số 93, tờ bản đồ số 9). Đối với phần diện tích từ cái ao đến sau hậu, ông yêu cầu ông Th trả lại diện tích theo đo đạc thực tế là 48m^2 (ngang trước là 1,15m, ngang sau hậu là l,3m, dài một cạnh là 39,4m, dài một cạnh là 39,6m, thuộc một phần thửa số 93, tờ bản đồ số 9).

+ Đối với căn nhà ông đang ở là căn nhà phủ thờ của tông chi để lại, đã cất trước năm 1977 (là năm chia đất), đến năm 2008 ông sửa lại nhà, nhưng vẫn giữ y vị trí trên nền nhà cũ, khi sửa nhà có anh em ông Th đi qua xem, không có ý kiến, nay ông không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Th.

Tại phiên tòa, ông Đ cho rằng khi chia đất vào năm 1977 thì ông không có chứng kiến, do đó việc ông tự xác định ranh và yêu cầu ông Th trả lại phần đất lấn ranh là chưa đúng, nên ông thay đổi yêu cầu, ông chỉ yêu cầu Tòa án xác định ranh đất giữa hai bên, không yêu cầu ông Th trả lại phần đất lấn ranh như trên nữa, để sau này biết ai lấn ranh ai rồi ông mới tính.

Ông Đ tự nguyện đối với phần ao của ông Th đang sử dụng nếu sau khi Tòa án xác định ranh mà có dính một phần lấn qua đất của ông thì ông cho ông Th tiếp tục sử dụng nuôi cá, nhưng không được làm lở ao lấn thêm qua phần ranh của ông, khi nào ông Th không còn nuôi cá thì ông Th phải lắp trả lại cho ông sử dụng.

Đối với căn nhà ông Đ thừa hưởng và đang quản lý sử dụng, thì ông thống nhất theo sự thỏa thuận tự nguyện của ông Th là nếu có phần nhà lố qua ranh thuộc phần đất của ông Th thì ông tiếp tục sử dụng, không phải di dời.

- Bị đơn ông Đặng Văn Th đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T, chị Đặng Như B, chị

Đặng Anh T trình bày:

Nguồn gốc ranh đất đang tranh chấp là của cha ông tên Đặng Văn Ng thừa hưởng là của bà cố ông là bà Nguyễn Thị T để lại, bà cố ông có 03 người con gái (thứ 2 tên C, thứ 3 tên N (là bà nội ông), thứ út tên X (là mẹ ông Đ), bà T có phần đất kích thước, vị trí như sau: Chiều ngang tiếp giáp lộ Long K là 24m, ngang sau là 49,5m, chiều dài 132m. Trước khi chia đất vào năm 1977, cha ông có đào một cái ao trên đất của bà T để lại (đào trước giải phóng năm 1975), trên đất của bà T cũng có sẵn căn nhà của bà X (là mẹ ông Đ) và hiện nay ông Đ đang ở.

Sau khi bà T chết, bà N đứng ra chia phần đất của cụ T để lại làm 03 phần bằng nhau, mỗi người con của bà T được hưởng một phần có kích thước, ngang tiếp giáp lộ Long K là 08m, ngang sau hậu là 16,5m, dài 132m, theo vị trí thứ tự như sau: Đất bà X (là mẹ ông Đ) đến đất bà N (là mẹ ông Ng) ở giữa, kế đến là đất bà C (là mẹ ông K, bà Nh).

Ông K, bà Nh nhận hưởng phần đất của bà C, đến năm 1984 có lập tờ bán đất thừa hưởng lại cho cha ông là ông Đặng Văn Ng, như vậy thực tế cha của ông có phần đất chiều ngang cặp lộ là 16m, chiều ngang sau hậu là 33m, dài 132m. Việc cha ông mua đất của Ông K, bà Nh có giấy tay mua bán năm 1984, có ông Trần Thiện Đ ký tên, điều này thể hiện ông Đ biết rõ vị trí ranh đất, kích thước phần đất bà cố ông là bà T để lại. Nếu cột mốc ranh đất giữa ông Đ và ông Huỳnh Văn M đã ổn định, thì ông Đ xem lại diện tích, kích thước phần đất của ông Đ đang sử dụng hiện nay có phải nhiều hơn so với phần đất mà mẹ ông Đ được chia vào năm 1977 không.

Ngoài ra cha ông còn mua thêm phần đất của bà Đào Thị B (chết), mua không nhớ năm nào, diện tích mua ngang 07m, dài 40m, việc mua bán có làm giấy tay và có ông Đào Văn L biết, ngoài ra còn những người khác nhưng họ đã chết; năm 1987 cha ông mua phần đất của ông Đào Văn Gi, Đào Văn Gi, Đào Thị B, Đào Văn T, Đào Văn Ch dài 30m, bề ngang hết phần đất; bà Hồ Thị T có cho anh Đặng Văn Th là anh của ông không nhớ năm, nhưng có chiều dài 29m, ngang 15m (đất sau hậu). Phần đất cặp ban trị sự hiện nay là do cha ông sử dụng từ trước đến nay không có ai tranh chấp.

Ông Th không thống nhất yêu cầu của ông Đ, ông có yêu cầu phản tố yêu cầu ông Đ phải di dời nhà, trả lại cho ông diện tích 52m^2 (phần nhà và sân lấn sang phần ranh của ông).

Tại phiên tòa ông Th thay đổi yêu cầu phản tố, ông cho rằng khi chia đất năm 1977 thì ông không có chứng kiến, nên không biết ranh cũ ở vị trí nào, nên ông chỉ yêu cầu Tòa án xác định ranh đất giữa đất của ông với đất ông Đ mà thôi, nếu sau này biết ai lấn ranh ai rồi mới tính.

Ông Th thỏa thuận tự nguyện đối với căn nhà ông Đ đang quản lý sử dụng để thờ cúng ông bà có một phần nằm trên đất của ông, thì ông thống nhất cho ông Đ tiếp tục sử dụng, không phải di dời.

Đối với diện tích cái ao của ông nếu sau khi Tòa án xác định ranh giữa hai bên mà có dính một phần lấn qua đất của ông Đ thì ông Đ tiếp tục cho ông Th sử dụng nuôi cá, nhưng không được làm lở ao lấn thêm qua phần ranh của ông Đ, khi nào ông Th không còn nuôi cá thì ông Th phải lắp đất trả lại cho ông Đ sử dụng.

Tại bản án số 35/2018/DSST ngày 19/10/2018 của Tòa án huyện H tuyên xử:

1. Chấp nhận việc thay đổi yêu cầu và sự tự nguyện thỏa thuận của ông Trần Thiện Đ, ông Đặng Văn Th, về việc yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất.

- Ranh giới giữa các thửa đất số 93, 58, tờ bản đồ số 09 được cấp quyền sử dụng cho hộ ông Trần Thiện Đ với thửa đất 2668 (nay là thửa 109), tờ bản đồ số 09 được cấp quyền sử dụng cho hộ ông Đặng Văn Th, tọa lạc tại ấp Long C, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là một đường gấp khúc được nối từ các mốc M24 (điểm tiếp giáp lộ Long K) với mốc M25, M26, M27, M28, M29, M30 và mốc M4 (là điểm tiếp giáp đất ruộng).

Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ trên không đến lòng đất, tài sản của bên nào lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật, trừ phần căn nhà của hộ ông Trần Thiện Đ đã lấn sang phần ranh đất của ông Th 52m^2 và cái ao của hộ ông Đặng Văn Th đã lấn sang phần ranh đất của ông Đ 65m^2 (do các đương sự tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu di dời và lắp lại để trả lại đất, mà các bên được tiếp tục sử dụng), riêng phần ao của hộ ông Đặng Văn Th đã lấn sang phần ranh đất của ông Đ, đến khi nào ông Đặng Văn Th không còn nuôi cá, thì ông Th phải lắp và trả lại cho hộ ông Trần Thiện Đ.

(Kèm theo sơ đồ xác định diện tích từ mãnh trích đo địa chính số 03/2017 và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp TĐ.3/BĐĐC, cùng ngày 07/02/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Thiện Đ, ông Đặng Văn Th mỗi người phải chịu 1.927.000đ tiền phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do ông Trần Thiện Đ đã chi tạm ứng 3.854.000đ cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H tại hóa đơn số 0013038 ngày 13/02/2017, nên ông Trần Thiện Đ đã nộp xong tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; ông Đặng Văn Th có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trần Thiện Đ 1.927.000đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Thiện Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 763.000đ tại các biên lai thu số: BN/2013 05537 ngày 31/10/2016; BN/2013 14507 ngày 28/11/2017; BG/2015 0003828 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, ông Trần Thiện Đ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho ông Trần Thiện Đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chênh lệch là 463.000đ tại các biên lai thu nêu trên.

- Ông Đặng Văn Th phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000đ tại các biên lai thu số: BN/2013 00872 ngày 17/3/2017; BN/2013 05693 ngày 18/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, ông Đặng Văn Th đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho ông Đặng Văn Th tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chênh lệch là 300.000đ tại các biên lai thu nêu trên.

- Các đương sự khác trong vụ án không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Ngày 29/10/2018 ông Trần Thiện Đ có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định ranh giới quyền sử dụng đất

giữa ông và ông Th là các mốc M12, M14, M16, M19, M23 đến M3 theo sơ đồ đo đạc ngày 07/02/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H.

Ngày 02/11/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát huyện H có Quyết định kháng nghị số: 410/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án huyện H. Đề nghị Tòa án Tỉnh sửa bản án sơ thẩm với lý do:

- Phần căn nhà và phần sân của ông Đ đang sử dụng lấn sang ranh đất của ông Th 52m^2 đã có từ năm 1977 (trên 30 năm).

- Phần đất ao của ông Th đang sử dụng lấn sang ranh đất của ông Đ 65m^2 cũng đã có từ năm 1974 (trên 30 năm).

Căn cứ Điều 175, Điều 236 Bộ luật dân sự 2015, xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Đ và ông Th như sau:

- Đối với căn nhà và sân ông Đ đang sử dụng lấn sang đất ông Th 52m^2 xác định là mí nhà ông Đ đang sử dụng thể hiện các mốc M12, M14, M16.

- Đối với cái ao ông Th đang sử dụng 65m^2 lấn sang một phần đất của ông Đ thể hiện các mốc M19, M18, M20, M21, M22.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đ và ông Th đã tự thỏa thuận với nhau, hai ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận sự tự nguyện thỏa thuận.

Viện Kiểm sát giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 410/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/11/2018 kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án huyện H.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Đ với ông Th thống nhất xác định ranh giới chung, sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Th với ông Đ thống nhất xác định ranh giới chung, sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị số 410/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/11/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện H, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Đ với ông Th thống nhất xác định ranh giới chung, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, ông Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm xử, ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên.

Ngày 02/11/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát huyện H có Quyết định kháng nghị số 410/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số: 35/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án huyện H. Đề nghị Tòa án Tỉnh sửa bản án sơ thẩm. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Đ và ông Th như sau:

- Đối với căn nhà ông Đ đang sử dụng lấn sang đất ông Th 52m^2 xác định là mí nhà ông Đ đang sử dụng thể hiện các mốc M12, M14, M16 tiếp tục giao cho ông Đ sử dụng.

- Đối với cái ao ông Th đang sử dụng 65m^2 lấn sang đất ông Đ thể hiện các mốc M19, M18, M20, M21, M22 tiếp tục giao cho ông Đ sử dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ với ông Th tự nguyện thống nhất nhà và sân của ông Đ lấn qua phần đất của ông Th 52m^2 thể hiện các mốc M12, M14, M16, M26', M25', M24' trở về M12 thì ông Đ tiếp tục được quyền sử dụng diện tích đất trên. Đối với phần đất ao của ông Th đang sử dụng lấn qua phần đất của ông Đ 65m^2 thể hiện các mốc M18, M20, M21, M29', M28', M27' trở về M18 thì ông Th tiếp tục được quyền sử dụng diện tích đất trên.

Hai bên có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích được sử dụng.

Ông Đ và ông Th thống nhất xác định ranh giới giữa các thửa đất số 93, 58, tờ bản đồ số 09 do hộ ông Trần Thiện Đ được cấp quyền sử dụng với thửa đất 2668 (nay là thửa 109), tờ bản đồ số 09 do hộ ông Đặng Văn Ng được cấp quyền sử dụng đất (do ông Th là người thừa kế của ông Ng đang quản lý, sử dụng) được xác định như sau:

Ranh giới được xác định là các đoạn thẳng từ mốc M12 (điểm tiếp giáp lộ Long K) đến mốc M14, mốc M16, mốc M26', mốc 27', mốc M18, mốc M20, mốc M21, mốc M29', mốc M30', mốc M4 là ranh giới chung giữa hai bên. Ranh giới quyền sử dụng giữa hai bên được xác định từ lòng đất lên không gian, tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được tháo dỡ, di dời.

Xét sự tự nguyện thỏa thuận của ông Đ, ông Th là phù hợp với quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện trên của hai bên, sửa bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm, nên ông Đ không phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, ông được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Đ với ông Th thống nhất xác định ranh giới chung, sửa một phần bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Luật sư là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Th với ông Đ thống nhất xác định ranh giới chung, sửa một phần bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Luật sư là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị số 410/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/11/2018 của Viện trưởng viện kiểm sát huyện H, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Đ với ông Th, sửa bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 12; Điều 16; Điều 203 Luật đất đai; Điều 175; Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị số 410/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/11/2018 của Viện trưởng viện kiểm sát huyện H.

2. Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện giữa ông Trần Thiện Đ với ông Đặng Văn Th tại phiên tòa phúc thẩm.

3. Sửa bản án sơ thẩm số: 35/2018/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H.

Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện giữa ông Trần Thiện Đ với ông Đặng Văn Th tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

- Phần diện tích 52m^2 thể hiện các mốc M12, M14, M16, M26', M25', M24' trở về M12 thuộc một phần thửa 2668 (nay là thửa 109), tờ bản đồ số 09 do ông Đặng Văn Ng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào ngày 02/11/1992 (hiện nay phần diện tích đất trên do ông Th là người thừa kế của ông Ng đang quản lý, sử dụng), là một phần căn nhà và sân của ông Đ lấn qua phần ranh đất của ông Th, ông Đ được quyền sử dụng.

Buộc ông Th phải giao cho ông Đ diện tích 52m^2 trong phạm vi các mốc M12, M14, M16, M26', M25', M24' trở về M12 thuộc một phần thửa 2668 (nay là thửa 109), tờ bản đồ số 09, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đặng Văn Ng vào ngày 02/11/1992 (do ông Th là người thừa kế của ông Ng đang quản lý, sử dụng) để cấp lại cho ông Đ theo bản án đã tuyên.

- Phần diện tích 65m^2 thể hiện các mốc M18, M20, M21, M29', M28', M27' trở về M18 thuộc một phần thửa 93 tờ bản đồ số 09 do hộ ông Trần Thiện Đ được cấp quyền sử dụng đất vào ngày 26/6/2014, là phần đất ao ông Th đang sử dụng lấn qua ranh đất của ông Đ, ông Th được quyền sử dụng.

Buộc ông Đ phải giao cho ông Th diện tích 65m^2 thể hiện các mốc M18, M20, M21, M29', M28', M27' trở về M18 thuộc một phần thửa 93 tờ bản đồ số 09 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Thiện Đ để cấp lại cho ông Th theo bản án đã tuyên.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện H thu hồi diện tích 52m^2 thuộc một phần thửa 2668 (nay là thửa 109), tờ bản đồ số 09, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn Ng vào ngày 02/11/1992 (do ông Th là người thừa kế của ông Ng đang quản lý, sử dụng) để cấp lại quyền sử dụng đất cho ông Đ. Và thu hồi diện tích 65m^2 thuộc một phần thửa 93 tờ bản đồ số 09, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Thiện Đ vào ngày 26/6/2014 để cấp lại quyền sử dụng đất cho ông Th.

Hộ ông Đ, hộ ông Th được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Đ và ông Th thống nhất xác định Ranh là các đoạn thẳng từ mốc M12 (điểm tiếp giáp lộ Long K) đến mốc M14, mốc M16, mốc M26', mốc 27', mốc M18, mốc M20, mốc M21, mốc M29', mốc M30', mốc M4 là ranh giới chung giữa hai bên. Ranh giới quyền sử dụng giữa hai bên được xác định từ lòng đất lên không gian, tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được tháo dỡ, di dời.

(Kèm theo mãnh trích đo địa chính số 03/2017, được điều chỉnh lại vào ngày 13/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H).

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Thiện Đ, ông Đặng Văn Th mỗi người phải chịu 1.927.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do ông Trần Thiện Đ đã chi tạm ứng 3.854.000đ cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H tại hóa đơn số 0013038 ngày 13/02/2017, ông Đặng Văn Th có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trần Thiện Đ 1.927.000đ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Thiện Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 763.000đ tại các biên lai thu số: BN/2013 05537 ngày 31/10/2016; BN/2013 14507 ngày 28/11/2017; BG/2015 0003828 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, hoàn trả lại cho ông Trần Thiện Đ số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 463.000đ.

- Ông Đặng Văn Th phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000đ tại các biên lai thu số: BN/2013 00872 ngày 17/3/2017; BN/2013 05693 ngày 18/8/2017 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện H, hoàn trả lại cho ông Đặng Văn Th số tiền tạm ứng án phí thẩm chênh lệch là 300.000đ.

- Các đương sự khác trong vụ án không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

6. Án phí phúc thẩm: Ông Trần Thiện Đ không phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, ông Đ được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0004067 ngày 29/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Phước Hội

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;
- TAND huyện H;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.